

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2025/DS-ST
Ngày: 26-8-2025
V/v tranh chấp hợp dân sự vay
tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Trần Ngọc Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Phương Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 143/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025; giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1990; địa chỉ: Số F, N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 2004; địa chỉ: Tổ C, ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) Theo giấy ủy quyền ngày 15/4/2025. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Số E, Khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Văn Anh K, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ C, ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và lời khai tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông Nguyễn Quang M do có quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Ngọc H. Vào ngày 18/9/2024 ông Nguyễn Quang M và bà Nguyễn Thị Ngọc H đại diện đứng thay cho ông Nguyễn Văn T1 đồng ý ký giấy xác nhận và cam kết với nội dung là nợ ông M số tiền 450.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là 02 tháng (ngày 18/11/2024 trả nợ). Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận về việc bà H, ông T1 giao cho ông M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không công chứng ủy quyền hay chuyển nhượng cho ông M. Đồng thời, hai bên còn thống nhất thỏa thuận đồng ý cho gia hạn nhưng phải trước ngày 18/11/2024. Mục đích mượn tiền để phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình, phục vụ kinh doanh.

Ông M giao số tiền 450.000.000 đồng cho bà H bằng hình thức chuyển khoản và giao tiền mặt (trong đó tiền mặt là 250.000.000 đồng và ông M nhờ ông Văn Anh K chuyển khoản 200.000.000 đồng vào số tài khoản 6551978 ngân hàng Á chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Ngọc H).

Sau khi ký kết giấy xác nhận và cam kết ngày 18/9/2024, bà H, ông T1 có liên hệ với ông M để mượn thêm số tiền 100.000.000 đồng và có đề nghị ông M đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tiến hành bán cho bên thứ ba để có tiền trả ông M.

Do tin tưởng ông T1, bà H nên ông M đã đồng ý. Một phần do còn có 01 tháng là tới ngày trả nợ toàn bộ số tiền nên ông M đồng ý đưa lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, ông T1, nhưng bà H phải ký nhận đủ số tiền 550.000.000 đồng.

Do ông M nhiều lần liên hệ với ông T1, bà H yêu cầu trả tiền, nhưng không liên lạc được. Do đó, ông M khởi kiện cụ thể:

Theo đơn khởi kiện ông M yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải thanh toán cho ông Nguyễn Quang M nợ gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 18/9/2025 là 45.565.000 đồng.

Theo đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 18/8/2025 và tại phiên tòa ông M chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H phải hoàn trả cho ông M số tiền nợ gốc 550.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày vi phạm 19/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 07 tháng 07 ngày x 0,83%/tháng = 33.020.166 đồng

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy xác nhận và cam kết ngày 18/9/2024

Theo bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Ngọc H. Ông không có quan hệ quen biết ông Nguyễn Quang M. Theo đơn khởi kiện ông M xác định vợ chồng ông vay tiền của ông M số tiền 550.000.000 đồng để nhằm mục đích phục vụ sinh hoạt trong gia đình và phục vụ kinh doanh là không đúng sự thật vì thực tế ông không có quan hệ quen biết ông M nên không có việc ông M cho ông vay tiền. Theo tờ cam kết ngày 18/9/2024 thì giấy này chỉ có chữ ký của vợ ông là bà Nguyễn Thị Ngọc H. Riêng việc bà H có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M hay không thì ông không biết. Và số tiền bà H vay của ông M ông cũng không biết vì bà H không nói cho ông biết có việc vay tiền của ông M. Trong quá trình chung sống thì bà H và ông làm ăn riêng, không có buôn bán kinh doanh chung. Ông có công ăn

việc làm buôn bán tự do thu nhập ổn định nên không việc vay tiền để sinh sống. Theo bản cam kết ngày 18/9/2024 không có chữ ký của ông, việc ông M, bà H tự thỏa thuận viết bản cam kết ở đâu ông không biết, bà H và ông M cũng không thông báo cho ông biết. Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu ông cùng bà H phải trả số tiền 550.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là không phù hợp. Hiện nay bà H đã bị bắt và đang bị tạm giam tại trại tạm giam B, tỉnh Bình Dương. Thời gian ở trong trại giam bà H có gửi cho ông bức thư xác định tất cả việc vay mượn, làm ăn bà giấu ông không cho ông biết và xin lỗi ông, đồng thời trong thư bà H xác định bà sẽ chịu trách nhiệm toàn bộ các khoản vay và những người có cho bà vay có quyền yêu cầu một mình bà trả nợ mà không có liên quan đến ông. Do đó, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, đồng thời ông không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T1 là vợ chồng. Bà không có quen biết ông Nguyễn Quang M. Riêng ông Văn Anh K bà quen biết qua bà Nguyễn Thị K1 là mẹ ruột của ông K. Do có quen biết nên vào năm 2024 bà có nhờ ông Văn Anh K vay tiền dùm để bà giải quyết công việc của bà và được K đồng ý nói “Cháu sẽ vay cho cô”. Sau khi thỏa thuận K đưa cho bà giấy xác nhận và cam kết ngày 18/11/2024 kêu bà ký vào giấy xác nhận và điểm chỉ dấu vân tay vào giấy xác nhận. Sau khi ký và điểm chỉ xong K chuyển tiền vào tài khoản số 6551978 của bà. Bà xác định bà không có trực tiếp vay tiền của ông M mà tiền do ông K chuyển vào tài khoản cho bà. Khi K đưa cho bà tờ giấy thì bà ký vào cuối tờ giấy, phía trên không có nội dung. Tuy nhiên, bà xác định có nhờ ông K vay tiền dùm và được ông K đồng ý, nhưng ông K mượn tiền của ai thì bà không biết. Khi ông K chuyển tiền cho bà thì bà có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay. Sau khi ông K chuyển tiền vào tài khoản của bà thì bà lại chuyển ngược lại vào số tài khoản của ông K số tiền 300.000.000 đồng để nhờ ông K thanh toán dùm tiền dịch vụ đối với căn nhà bên A.

Bà H thừa nhận có nhận của ông K số tiền 450.000.000 đồng, nhưng không hiểu vì lý do tại sao bà lại ghi đã nhận số tiền 550.000.000 đồng, nhưng bà xác định chữ viết trên giấy xác nhận “Ngày 1 tháng 10 năm 2024 tôi đã nhận số tiền tổng là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng)” là chữ viết của bà, khi bà viết không có ai ép buộc mà bà tự nguyện viết do tin tưởng nhau.

Bà H xác định số tiền bà nhờ ông K vay dùm cho bà không có liên quan gì đến ông T1 vì đây là tiền làm ăn riêng của bà, trong gia đình kinh tế của bà và ông T1 là độc lập, bà làm ăn riêng không có thông báo cho ông T1 biết. Do đó, giao dịch vay tiền ngày 18/11/2024 không có liên quan đến ông T1 mà đó là trách nhiệm của bà. Bà có vay tiền thì bà sẽ có trách nhiệm trả. Trường hợp sau này ông K không kiện bà đòi tiền thì bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án này theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Anh K trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc H có quan hệ làm ăn từ khoảng 10 năm trước đây. Vào trước ngày 18/9/2024 bà H có nhu cầu mượn tiền nên bà H hỏi ông có tiền thì cho bà vay, ông trả lời không có thì bà H nhờ nói mượn tiền dùm bà thì ông đồng ý. Sau khi đồng ý với bà H thì ông liên hệ với ông Nguyễn Quang M (ông M là bạn đồng nghiệp với ông) hỏi ông M có tiền không để cho bà H vay thời hạn là 02 tháng với số tiền 450.000.000 đồng và có lãi suất thì ông M đồng ý. Tuy nhiên, ông M yêu cầu hai bên phải lập giấy xác nhận và cam kết trả trong thời hạn 02 tháng, đồng thời ông M yêu cầu bên vay phải thế chấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất. Sau khi trao đổi với ông M xong ông có nói lại sự việc với bà H thì bà H đồng ý. Ngày 18/9/2024 hai bên lập giấy xác nhận và cam kết có nội dung bà H vay của ông M số tiền 450.000.000 đồng, bà H thế chấp cho ông M tài sản là sổ hồng thửa đất số 168 tờ bản đồ số 12. Số tiền 450.000.000 đồng ông là người trực tiếp chuyển khoản 200.000.000 đồng và đưa tiền mặt 250.000.000 đồng cho bà H, nhưng ông xác định số tiền này là tiền của ông M, không phải tiền của ông.

Vào ngày 01/10/2024 bà H lại tiếp tục vay thêm số tiền 100.000.000 đồng và ông có đưa bà H số tiền 100.000.000 đồng, nhưng ông xác định số tiền 100.000.000 đồng này là của ông M đưa cho ông để ông giao cho bà H.

Ông xác định ông M và bà H chưa bao giờ gặp nhau mà việc ký xác nhận và cam kết giao nhận tiền đều thông qua ông, ông cũng là người nhận tiền từ ông M, sau đó giao lại cho bà H. Sau khi ông giao cho bà H số tiền 450.000.000 đồng thì tháng đầu tiên ông nhớ bà H có đưa tiền lãi cho ông để ông trả cho ông M (số tiền bao nhiêu ông không nhớ, nhưng ông nhớ khoảng 7 triệu hay 9 triệu đồng) và ông đã chuyển trả cho ông M xong tiền lãi. Sau ngày nhận thêm số tiền 100.000.000 đồng thì bà H không thanh toán tiền gốc và lãi cho ông M.

Ông K xác định việc vay mượn tiền này ông và ông M không làm việc trực tiếp với ông T1, còn ở nhà bà H có trao đổi với ông T1 hay không thì ông không biết.

Nay, ông M khởi kiện yêu cầu bà H, ông T1 phải thanh toán cho ông M nợ gốc và lãi thì ông không có ý vì số tiền này không phải là tiền của ông mà thực tế tiền này là của ông M cho bà H vay. Do ông không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án này nên ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Trường hợp Tòa án xác định bị đơn phải thanh toán tiền cho ông thì ông tự nguyện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông M, không phải trả cho ông vì tiền này không phải là của ông. Và ông xác định giao dịch vay mượn số tiền 550.000.000 đồng trong vụ án này sẽ chấm dứt kể từ thời điểm có quyết định, bản án của Tòa án, ông cam kết không dùng chứng cứ giao nhận tiền này để khởi kiện bà H cũng như ông T1 trong một vụ án khác.

Riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H dùng để thế chấp trong giao dịch vay mượn này thì ông M đã trả cho bà H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua ông là người trực tiếp đưa cho bà H.

Việc ông M đồng ý trả giấy chứng nhận cho bà H là do ông xin cho bà H vì bà H muốn giao dịch đất này bán lấy tiền trả cho ông M nên nhờ ông thuyết phục ông M trả giấy chứng nhận cho bà H thì ông đồng ý và nói với ông M thì ông M đồng ý. Do đó, mới có việc ông M trả giấy chứng nhận cho bà H.

Tài liệu chứng cứ ông K cung cấp là 03 tờ chuyển khoản thành công ngày 18/9/2024.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn. Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Văn T1 phải thanh toán tiền nợ vay là tự nguyện, phù hợp với ý chí của bà H, ông T1 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Quang M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T1; bà Nguyễn Thị Ngọc H; cùng địa chỉ: Số E, Khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) trả tiền nợ vay và lãi phát sinh. Xét, đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Anh K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình tố tụng các đương sự thừa nhận giữa ông K và ông M có quan hệ bạn bè là đồng nghiệp; giữa bà H và ông K có quan hệ quen biết nên vào trước ngày 18/9/2024 do có nhu cầu vay tiền để làm ăn nên bà H nhờ ông K vay tiền dùm cho bà H số tiền 450.000.000 đồng thì được ông K đồng ý; vào ngày 18/9/2024 ông M đã giao cho ông K số tiền 450.000.000 đồng để ông K giao cho bà H (trong đó ông K chuyển khoản 200.000.000 đồng và đưa tiền mặt 250.000.000 đồng cho bà H); khi ông K giao tiền cho bà H thì bà H có giao cho ông K 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm mục đích thế chấp đảm bảo cho khoản vay; sau khi ông K giao số tiền 450.000.000 đồng thì bà H có nhờ ông K chuyển tiền dùm cho bà H để làm thủ tục dịch vụ nhà đất bên A; ông K, ông M thống nhất xác định vào ngày 01/10/2024 bà H nhờ ông K vay thêm của M cho bà H số tiền 100.000.000 đồng; bà H xác nhận chữ viết “Ngày 1 tháng 10 năm 2024 tôi đã nhận số tiền tổng là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng)” là chữ viết của bà, khi bà viết không có ai ép buộc mà bà tự nguyện viết và hiện nay ông M đã trả cho bà H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua ông K; giao dịch vay tiền giữa ông K, ông M, bà H không có sự chứng kiến và tham gia của ông Nguyễn Văn T1; ông K xác định toàn bộ số tiền 550.000.000 đồng giao cho bà H là tiền của ông M nên ông K yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà H trả số tiền này cho ông M, không phải tuyên trả cho ông K. Xét, sự thừa nhận của đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Theo đơn khởi kiện ông M yêu cầu ông T1, bà H trả nợ gốc và lãi cho ông. Tuy nhiên, theo đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 18/8/2025 ông M thay đổi không buộc ông T1 phải cùng bà H trả nợ gốc và lãi cho ông. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 28/7/2025 ông T1 xác định ông không biết giao dịch vay tiền giữa bà H và ông M; bà H vay tiền không dùng sử dụng sinh hoạt hay làm ăn chung của vợ chồng nên việc ông M khởi kiện yêu cầu ông cùng bà H trả nợ vay và nợ lãi là không phù hợp; tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2025 bà H xác định giao dịch vay tiền giữa bà và ông K, ông M không có liên quan đến ông T1 mà là trách nhiệm của riêng bà; lời khai của ông K cũng xác định việc mượn tiền giữa ông và ông M, bà

H không có sự tham gia của ông T1. Do đó, có căn cứ xác định ông T1 không có liên quan đến giao dịch vay tiền giữa ông M, ông K và bà H nên yêu cầu thay đổi khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] LỜI khai của các đương sự có phần mâu thuẫn nhau, nhưng phía nguyên đơn có đơn xin không tham gia đối chất; bị đơn là bà H có đơn đề nghị từ chối đối chất. Do đó, Tòa án không tiến hành đối chất giữa ông M, bà H, ông T1, ông K được.

[6] Xét thấy, vào ngày 18/9/2024 giữa bên A là ông Nguyễn Quang M; bên B là bà Nguyễn Thị Ngọc H; bên C ông Văn Anh K là người làm chứng cùng lập giấy xác nhận và cam kết. Theo văn bản thì bà H xác nhận vào ngày 18/9/2024 có nhận của ông M số tiền 450.000.000 đồng; hạn đến ngày 18/11/2024 (sau đó gia hạn đến ngày 18/01/2025) bà H phải trả hết nợ gốc và lãi cho ông M; bà H giao cho ông M 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm mục đích đảm bảo cho khoản vay; ngày 01/10/2024 bà H ký xác nhận đã nhận tổng số tiền 550.000.000 đồng của ông M. Theo ông K trình bày thì số tiền 550.000.000 đồng ông giao cho bà H là tiền của ông M, ông chỉ là người đứng ra vay dùm cho bà H; bà H cũng thừa nhận số tiền ông K giao cho bà là tiền bà nhờ ông K vay dùm cho bà. Do đó, có căn cứ xác định số tiền 550.000.000 đồng là tiền của ông M cho bà H vay. Ông K yêu cầu Tòa án có tuyên buộc bà H trả thì tuyên trả cho ông M là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình tố tụng bà H thừa nhận chữ viết “Ngày 1 tháng 10 năm 2024 tôi đã nhận số tiền tổng là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng)” là chữ viết của bà, khi bà viết không có ai ép buộc mà bà tự nguyện viết. Do đó, có căn cứ xác định bà H đã nhận từ ông K số tiền 550.000.000 đồng.

Giấy xác nhận và cam kết ngày 18/9/2024 tuy ông M không trực tiếp ký với bà H mà bà H ký thông qua ông K. Nhưng, nội dung của thỏa thuận không trái đạo đức xã hội, bà H tự nguyện ký và xác nhận có nhận tiền thì bà H phải có trách nhiệm thực hiện theo đúng cam kết. Tuy nhiên, đến hạn trả tiền bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện buộc bà H phải trả số tiền nợ gốc 550.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày vi phạm cam kết từ ngày 19/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Như vậy, Tổng nợ gốc và lãi bà H phải trả cho ông M là 583.020.166 đồng (trong đó nợ gốc 550.000.000 đồng; nợ lãi 33.020.166 đồng)

[8] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang M về việc Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải thanh toán ông Nguyễn Quang M số tiền 583.020.166 đồng (trong đó nợ gốc 550.000.000 đồng; nợ lãi 33.020.166 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 27.320.807 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Quang M số tiền 13.913.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004187 ngày 18/7/2025 (do bà Nguyễn Thanh T nộp thay) tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết